

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HS-ST.
Ngày: 01/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Y BLư và ông Trương Duy Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2023/TLST-HS ngày 06/4/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

A S, sinh ngày 17/4/2001 tại K; nơi cư trú: Thôn KonKlor, xã Đ, thành phố K, tỉnh K; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12, dân tộc: Rơ Ngao; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A B (đã chết) và bà Y Ch (sinh năm 1967); bị cáo là con thứ sáu trong gia đình có bảy chị em; có vợ là Y N, sinh năm 1996 và một con sinh năm 2018,

Tiền án: Ngày 05/8/2020, Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Ngày 15/6/2021 chấp hành xong hình phạt. Chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/10/2017, Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2022 đến nay, có mặt.

- Bị hại: Anh Vương Đình T, sinh năm 1998; địa chỉ: 01 Trần Nhân Tông, phường T, thành phố K, tỉnh K, vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Ngô Văn T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn Kon Jơ Dri, xã Đ, thành phố K, tỉnh K.

2/ Ông A Tr, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh K.

3/ Công ty TNHH MTV BT. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty là anh Trần Trung Kh, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 5, phường Tr, thành phố K, tỉnh K.

4/ Bà Lê Thị V, sinh năm 1968; địa chỉ: 415 Đào Duy Từ, thành phố K, tỉnh K.

5/ Anh A Kh, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Kon Klor, xã ĐăkRơ Wa, thành phố K, tỉnh K.

6/ Anh A Hy, sinh ngày 03/7/2007. Người đại diện hợp pháp của anh A Hy là bà Y Ch, sinh năm 1978 (là mẹ đẻ). Cùng địa chỉ: Thôn Kon Klor 2, xã ĐăkRơ Wa, thành phố K, tỉnh K.

7/ Anh A B, sinh ngày 12/7/2010. Người đại diện hợp pháp của anh A B là bà T (là mẹ ruột của A B); địa chỉ: Thôn Kon Klor, xã ĐăkRơ Wa, thành phố K, tỉnh K.

(Tất cả những người liên quan và đại diện hợp pháp đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở Đơn trình báo của công dân về việc bị mất trộm tài sản. Cơ quan CSĐT Công an thành phố K tiến hành thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, kịp thời phát hiện lập Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với bị cáo A S và thu giữ các tài sản, đồ vật tại nhà A S, địa chỉ Thôn Kon Klor, xã Đăk Rơ Wa, thành phố K, tỉnh K, gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Super Dream màu nâu, số khung 049035, số máy 1349088 gắn biển số 82B1-359.04;
- 01 máy bơm nước hiệu DAPHOVINA, công suất 2.5Hp;
- 01 máy bơm nước hiệu DONGYING, công suất 2.0Hp;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, kiểu dáng Sirius, màu đen bạc, số khung 150744, số máy 150744, không gắn biển số.

A S khai nhận, xe xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Super Dream màu nâu, số khung 049035, số máy 1349088 gắn biển số 82B1-359.04 là do A S và A Hy trộm cắp của anh Vương Đình T vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 19/12/2022, tại nhà vườn thôn Kon Klor, xã Đăk Rơ Wa, thành phố K. A S là người rủ và điều khiển xe mô tô biển số 82K7-9700 chở A Hy đi trộm cắp. Sau khi lấy trộm được xe mô tô thì mang về nhà A S cất giấu và tháo biển số 98Y5-2931, rồi gắn biển số 82B1-359.04 vào xe để sử dụng. Đối với 01 máy bơm nước hiệu DAPHOVINA, 01 máy bơm nước hiệu DONGYING và 01 xe mô tô biển số 33P4-0440, A S khai là do các đối tượng A Hy, A Bư, A Bì và A Thồ trộm cắp được rồi đem về nhà A S cất giấu. A S biết tài sản là do trộm cắp và đồng ý cho cất giấu. Các đối tượng A Hy, A Bư, A Bì và A Thồ cùng khai thừa nhận vào khoảng 22 giờ 00 phút đêm ngày 20/12/2022, cả 4 đối tượng thực hiện hành vi chiếm đoạt 02 máy bơm nước và 01 xe mô tô tại lán (Chòi) của ông A Tr - Thôn Kon Jơ Dri, xã Đ, thành phố K. A Hy là người rủ A Bư, A Bì và A Thồ đi trộm cắp. Sau khi trộm cắp đem về nhà A S cất giấu. A S biết và đồng ý cho cất giấu.

A Hy và A Bư chưa đủ tuổi chịu TNHS nên Cơ quan Công an Quyết định xử lý hành chính Cảnh cáo.

A Bi và A Thở chưa xác định được nhân thân lai lịch, nên Cơ quan Công an đã Quyết định tách vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh.

Kết luận định giá tài sản, kết luận:

- Xe mô tô biển số 98Y5-2931 (Do A S và A Hy trộm cắp) trị giá: 5.640.000đồng;

- Xe mô tô BKS 33P4-0440, Máy bơm nước DAPHOVINA và Máy bơm nước DONG YIN (Do các đối tượng A Hy, A Bư, A Bin và A Thở) tổng trị giá: 10.443.000đồng.

Tại Cáo trạng số 41/CT-VKSTPKT ngày 06/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo **A S** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS và tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: + Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của BLHS. Xử phạt bị cáo A S từ **15 đến 18** tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo A S từ **09 đến 12** tháng tù về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của BLHS. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa. HĐXX xét xử vắng mặt họ theo quy định Điều 292 của BLTTHS.

Về nội dung:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 19/12/2022, tại nhà anh Vương Đình T, địa chỉ thôn Kon Tu II, xã Đắk Rơ Wa, thành phố K, bị cáo A S và đối tượng A Hy đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của anh T 01 xe mô tô biển số 98Y5-2931 trị giá 5.640.000 đồng. Hành vi chiếm đoạt tài sản này của bị cáo A S và đối tượng A Hy đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 BLHS.

Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày 20/12/2022, bị cáo A S biết tài sản là 02 máy bơm nước và 01 xe mô tô trị giá 10.443.000 đồng là do các đối tượng A Hy, A Bư, A Bin và A Thở trộm cắp mà có, mặc dù không hứa hẹn trước, nhưng A S vẫn đồng ý cho các đối tượng cất giấu tài sản trộm cắp tại nhà của mình. Hành vi này của A S đã phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định và căn cứ pháp luật nêu trên. Viện kiểm sát truy tố bị cáo A S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định khoản 1 Điều 173 BLHS và tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] *Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo và các đối tượng.* Xét thấy:

- Hành vi của bị cáo A S và đối tượng A Hy trộm cắp xe mô tô BKS 98Y5-2931 là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố K. Khi trộm cắp xe mô tô BKS 98Y5-2931 này thì A S là người rủ rê và dùng xe mô tô biển số 82K7-9700 chở A Hy đi trộm cắp, nên A S có vai trò chính, tích cực trong đồng phạm.

- Hành vi phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” của bị cáo A S đã xâm phạm đến trật tự công cộng, tiếp tay cho hành vi phạm tội khác.

[3] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.* Xét thấy:

+ Bị cáo A S đã bị kết án chưa được xóa án tích lại phạm tội mới, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “*Tái phạm*”; A S rủ A Huyn trộm cắp tài sản khi A Huyn là người chưa thành niên, do đó A S phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “*Xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội*”. Các tình tiết tăng nặng được quy định tại các điểm h, o khoản 1 Điều 52 BLHS.

+ Bị cáo A S thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

+ Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “*cướp tài sản*”.

[4] Căn cứ vào tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, xét thấy phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và

rắn đẽ, phòng ngừa chung. Bị cáo phạm nhiều tội, nên HĐXX tổng hợp hình phạt của các tội theo quy định tại Điều 55 của BLHS.

[5] *Hình phạt bổ sung*: Bị cáo không nghề nghiệp, không có tài sản, không có điều kiện để chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Xử lý vật chứng*:

- Cơ quan CSĐT đã trả lại các vật chứng cho các chủ sở hữu, cụ thể:

1/ Trả lại xe mô tô BKS 98Y5-2931 và 01 yếm xe cho anh Vương Đình T;

2/ Trả xe mô tô số khung 150744, số máy 150744 (không gắn biển số) cho anh Ngô Văn T;

3/ Trả 01 máy bơm nước DAPHOVINA cho ông A Tr;

4/ Trả lại cho Công ty TNHH MTV BT 01 máy bơm nước DONG YING;

5/ Trả xe mô tô BKS 82K7-9700 cho bà Lê Thị V;

6/ Trả lại cho anh A Kh 01 biển số xe mô tô số 82B1-359.04.

Việc trả lại các tài sản trên cho các chủ sở hữu là đúng quy định.

- 01 con dao dài khoảng 90cm và 01 con dao dài khoảng 95cm tiếp tục lưu giữ tại cơ quan Công an để xử lý trong vụ án trộm cắp tài sản xảy ra ngày 20/12/2022 tại thôn Kon Jơ Dri, xã Đăk Rơ Wa, TP. K, theo Quyết định tách vụ án hình sự số: 01/QĐ-ĐCSHS ngày 20/3/2023 của Cơ quan CSĐT – Công an TP. K.

[7] *Trách nhiệm dân sự*: Bị hại và những người liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

[8] *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **A S** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **A S**: **15** (Mười lăm) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **A S**: **09** (Chín) tháng về tù tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **24 (Hai mươi bốn)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam **21/12/2022**.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo A S phải chịu **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/6/2023); bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Công an TP KonTum;
- THA dân sự TP KonTum;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Xuân Hoài